

PHONG PHU
Fabric J.S.C



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

PHONG PHU FABRIC JOINT STOCK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012

I – GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 1. Thông tin khái quát*
- 2. Quá trình hình thành và phát triển*
- 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
- 4. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý*
- 5. Định hướng phát triển*





I

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	: Công ty cổ phần Dệt vải Phong Phú
GCNĐKDN	: 4103008460 <i>(Đăng ký lần đầu ngày 16/11/2007 và đăng ký thay đổi lần đầu ngày 31/12/2008 so Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp)</i>
Vốn điều lệ	: 80.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu	: 80.000.000.000 đồng
Địa chỉ	: Số 48 Tăng Nhơn Phú, KP.3, P. Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP.HCM
Số điện thoại	: (08) 3728 1891
Số fax	: (08) 3728 1893
Website	: http://www.detvaippf.com/
Email	: phongtonghop@detvaippf.com



I**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

2004: Công ty Dệt Phong Phú thành lập Hệ thống sản xuất Vải nay là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú.

2007: Hệ thống sản xuất Vải được cổ phần hóa để thành lập Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú (PPF) Công ty nhận chứng chỉ ISO về môi trường 14001 : 2004.

2009: Nhận chứng chỉ sản phẩm không có chất độc hại Oeko – Tex Standard 100.

2010: Nhận chứng nhận TOP 20 vải Denim - Sản phẩm vàng thời hội nhập.

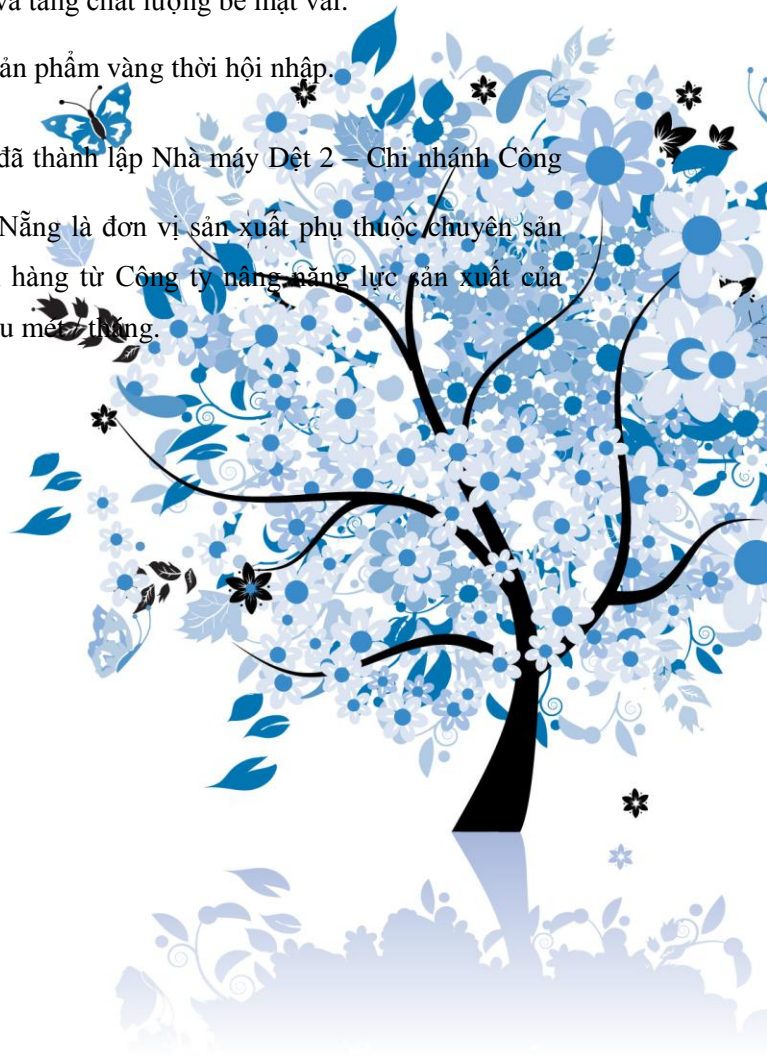
Nhận chứng nhận TOP 100 Dệt May - Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam.

2011: Nhận chứng nhận TOP 20 vải Denim - Sản phẩm vàng thời hội nhập.

2012: Công ty đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền hoàn tất vải denim như máy định hình nhiệt, máy làm bóng ... nhằm ổn định khổ vải và tăng chất lượng bề mặt vải.

Nhận chứng nhận TOP 10 vải Denim - sản phẩm vàng thời hội nhập.

2013: Để mở rộng quy mô sản xuất, Công ty đã thành lập Nhà máy Dệt 2 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú tại Đà Nẵng là đơn vị sản xuất phụ thuộc/chuyên sản xuất vải denim, kaki các loại theo đơn hàng từ Công ty nâng năng lực sản xuất của Công ty từ 1,2 triệu mét/ tháng lên 2 triệu mét/ tháng.



I

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán khăn, vải, sợi, chỉ khâu, chỉ thêu – may quần áo, bao bì, nguyên phụ liệu ngành dệt may
- Mua bán bông, xơ, sợi, hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành may

Các sản phẩm tiêu biểu: sản phẩm chủ lực của công ty hiện tại là các loại vải denim (jean) các loại, vải kaki các loại và vải calicot các loại.



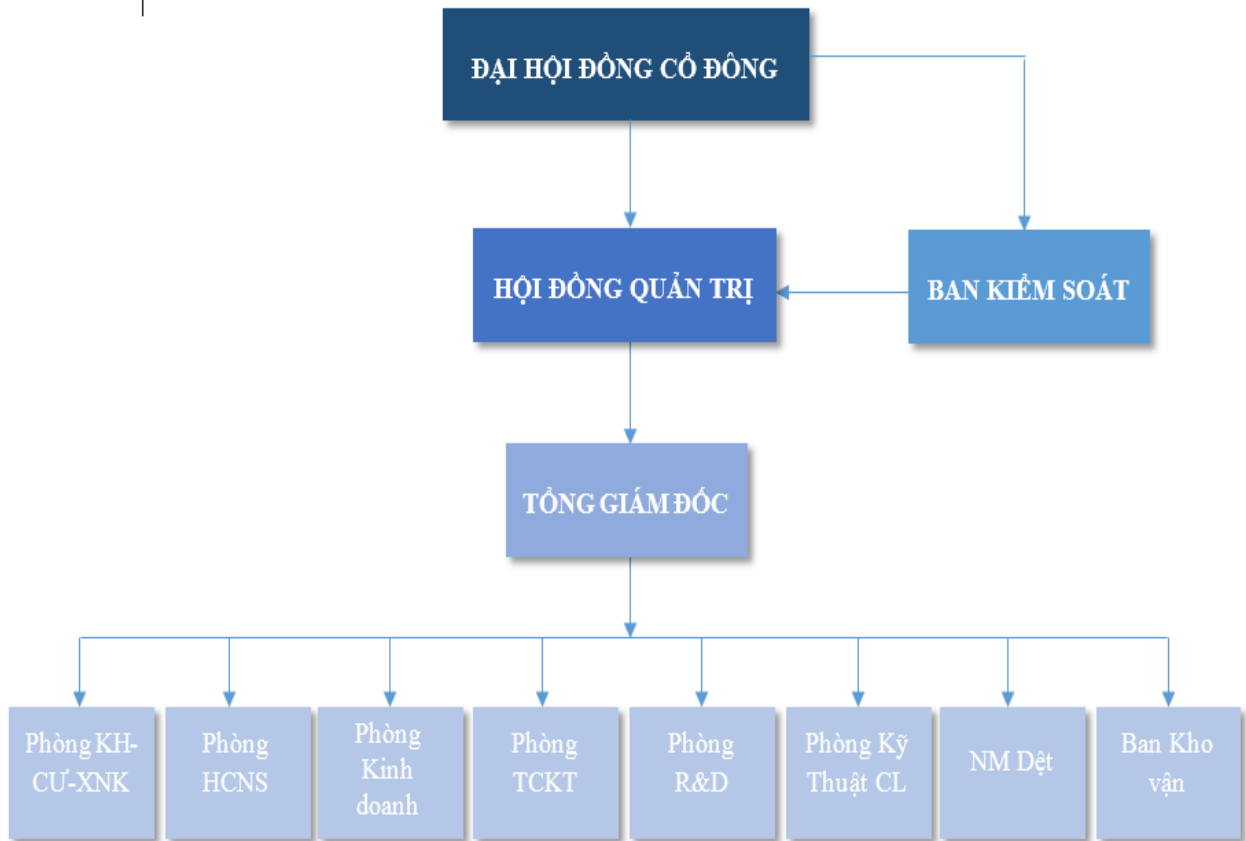
Địa bàn kinh doanh

- Thị trường trong nước
- Thị trường xuất khẩu: Canada, Mỹ, Nhật,...



I

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty con - công ty liên kết

Công ty TNHH Phong Phú May Thời Trang

- Địa chỉ: Ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Vốn điều lệ: 18 tỷ VNĐ

Công ty Cổ phần Thời Trang Quốc tế Phong Phú

- Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TpHCM
- Vốn điều lệ: 18,3 tỷ VNĐ

I ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh của công ty trên cơ sở các khách hàng hiện tại .
- Cải tạo và đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, cần thiết để nâng cao chất lượng cũng như đa dạng hóa mẫu mã các loại sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu của mọi thị trường tiêu thụ
- Nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ chuyên môn, để đáp ứng được nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty
- Đầu tư mở rộng toàn diện quy mô công ty về nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để tăng năng lực sản xuất
- Tiếp tục xây dựng hệ thống sản xuất hướng vào chất lượng nhằm giữ vững uy tín cũng như thương hiệu PPF với các đối tác hiện tại, đồng thời thu hút nhiều khách hàng tiềm năng.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty xác định rõ nhiệm vụ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của công ty phải đi liền với trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng- xã hội. Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, hạn chế tối đa xả thải những chất độc hại ra môi trường. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức vệ sinh khuôn viên Công ty và khu vực lân cận xung quanh nhằm bảo vệ môi trường lao động xanh-sạch, góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường. Chú trọng sử dụng những sản phẩm, nguyên vật liệu xanh, sạch, thân thiện với môi trường, song song với đó áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong quá trình kinh doanh sản xuất.

Cán bộ công nhân viên Công ty luôn nhiệt tình, chủ động phát động, tham gia các chương trình, hoạt động từ thiện được tổ chức tại địa phương hoặc đơn vị chủ quản.



I

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là một trong những yếu tố tác động nhiều nhất đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam luôn ở mức thấp, đặc biệt kết thúc năm 2012, GDP Việt Nam chỉ đạt 5,03% - mức thấp nhất trong 13 năm. Chỉ số tăng trưởng GDP thấp phản ánh tình trạng khó khăn, trì trệ trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, rủi ro về lãi suất cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhà nước đã có chính sách hạ trần lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp, tuy nhiên các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn giá rẻ.

Rủi ro đặc thù

Các rủi ro về phương thức và dây chuyền sản xuất là một trong những thách thức lớn cho doanh nghiệp. bất kì ngành nghề nào cũng đều có nhiều rủi ro trong quá trình sản xuất. Bất kỳ sự cố, rủi ro nào xảy ra cũng có thể gây gián đoạn quá trình sản xuất; từ đó dẫn đến tình trạng chậm trễ giao hàng hóa hoặc chất lượng hàng hóa không đảm bảo, gây thiệt hại trực tiếp đến công ty. Vì thế, doanh nghiệp phải luôn coi trọng khâu điều hành, cân đối kế hoạch, giám sát chất lượng, nghiên cứu nâng cao kỹ thuật sản xuất.

Rủi ro thị trường

Thị trường phụ thuộc và chịu tác động trực tiếp từ nền kinh tế, toàn cầu, sự thay đổi trong thị hiếu, văn hóa cũng như thói quen tiêu dùng của khách hàng. Vì thế, công ty dù ít hay nhiều đều chịu rủi ro từ thị trường. Bên cạnh đó, mối quan hệ với khách hàng và nhà cung ứng cũng cần được cân nhắc và quan tâm đúng mực. Trong tình hình thị trường xuất hiện thêm các công ty cùng ngành, đồng thời với sự cạnh tranh bởi vải, quần áo may mặc nhập khẩu giá rẻ dẫn đến tính cạnh tranh ngày càng cao. Doanh nghiệp cần có các biện pháp thường xuyên cải thiện, nâng cao chất lượng mẫu mã hàng hóa, cân đối và giữ gìn bền vững mối quan hệ với khách hàng và nhà cung ứng để giảm thiểu tối đa rủi ro từ các công ty cạnh tranh.

Rủi ro luật pháp

Công ty cổ phần luôn đối mặt với rủi ro trực tiếp từ hệ thống pháp luật. Do hoạt động với hình thức công ty cổ phần, doanh nghiệp chịu chi phối trực tiếp từ Luật doanh nghiệp và các văn bản luật liên quan. Bất kì sự thay đổi nào của hệ thống luật pháp đều gây ra tác động lớn đến việc hình thành và triển khai chiến lược, chính sách của công ty.



II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*
2. *Tổ chức – nhân sự*
3. *Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án*
4. *Tình hình tài chính*
5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*



1

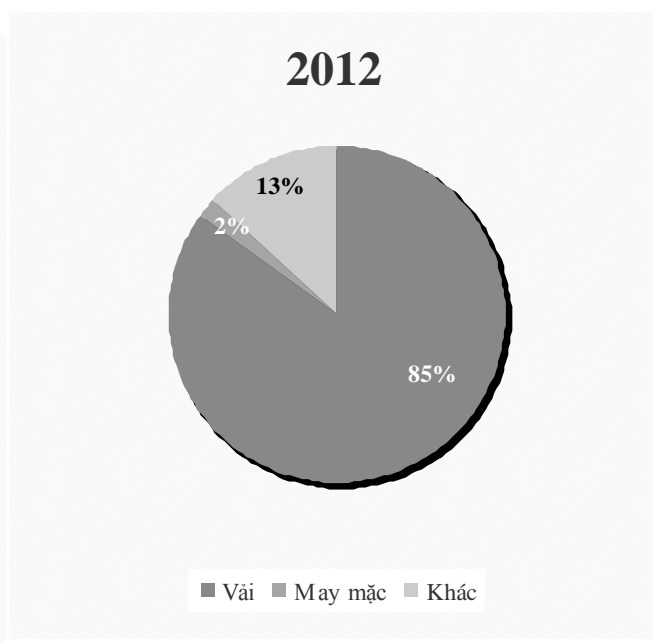
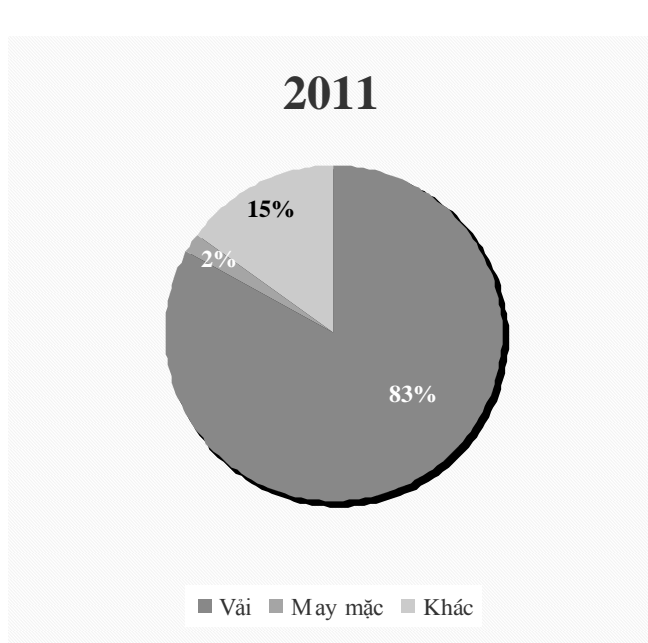
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	2011	2012	% tăng trưởng	Kế hoạch 2012	% TH/KH
Doanh thu thuần	666.028.181.672	913.755.388.700	37,19%	700.000.000.000	130,54%
Lợi nhuận trước thuế	65.308.890.250	83.651.911.573	28,09%	50.000.000.000	167,30%
Lợi nhuận sau thuế	53.664.206.503	68.325.167.147	27,32%	37.500.000.000	182,20%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.708	8.541	27,33%	-	-

DVT: VND

Kết thúc năm 2012 với nhiều khó khăn, biến động từ nền kinh tế Việt Nam, tuy nhiên Công ty vẫn chứng tỏ được năng lực sản xuất kinh doanh của mình với những kết quả rất khả quan. Nhìn chung, phần trăm tăng trưởng của các giá trị doanh thu, lợi nhuận đạt trung bình xấp xỉ 30%, vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty đạt giá trị xấp xỉ 914 tỷ đồng, tăng 37,19% so với giá trị 666 tỷ doanh thu thuần cùng kỳ 2011. So với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt 130,54%. Lợi nhuận trước và sau thuế trong năm 2012 lần lượt đạt 84 tỷ đồng và 68 tỷ đồng, tăng trưởng trung bình 28% so với năm 2011, so với kế hoạch đề ra lần lượt đạt 167,30% và 182,20%.

Kết thúc năm 2012, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty dệt vải Phong Phú đạt 8.541 đồng, tăng 27,33% về giá trị so với năm trước, đem lại nguồn lợi ích không nhỏ và góp phần củng cố niềm tin của các nhà đầu tư đối với Công ty.



2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ
1	Ông Tạ Cẩm Hùng	Tổng giám đốc
2	Ông Lại Đức Ninh	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Chiêm Yến Nhi	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch

Ông Tạ Cẩm Hùng – Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 17/02/1973
Số CMND: 022809295
Địa chỉ: Quận 8, Tp.HCM
Trình độ học vấn: Đại học

Ông Lại Đức Ninh – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 04/04/1958
Số CMND: 020748328
Địa chỉ: Quận 11, Tp.HCM
Trình độ học vấn: Đại học

Bà Chiêm Yến Nhi – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 26/05/1977
Số CMND: 024710132
Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Tp.HCM
Trình độ học vấn: Đại học

() Trong năm 2012, Công ty không có sự thay đổi về thành viên Ban Lãnh đạo, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát*

Thống kê cán bộ, công nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo trình độ lao động			
1	Đại học, Cao đẳng	54	14,8 %
2	Trung học	50	13,7 %
3	Lao động khác	261	71,5 %
Theo hợp đồng lao động			
1	Hợp đồng không thời hạn	262	71,78%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	103	28,22%
Theo giới tính			
1	Nam	158	43,29%
2	Nữ	207	56,71%
TỔNG CỘNG		365	100 %

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng lương thưởng theo năng lực và sự cống hiến đối với Công ty phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước. Được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, tham gia sinh hoạt trong các tổ chức đoàn thể. Ngoài ra, Công ty tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn và dài hạn nhằm phát triển trình độ chuyên môn nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

3

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm, công ty đã đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị để mở rộng sản xuất với tổng giá trị đầu tư lên đến 40.174.321.417 đồng

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

STT	Dự án	Tổng vốn góp tại 31/12/2012	Tỷ lệ	Vốn góp năm 2012	Tỷ lệ	Lãi lỗ từ đầu tư	Ghi chú
1	Công ty TNHH Phong Phú May Thời Trang	10.040.737.020	41%			(2.500.806.052)	
2	Công ty CP thời trang Quốc tế Phong Phú	2.036.701.343	8%	2.036.701.343	33%		Mới thành lập
3	Tổng công ty CP Phong Phú	1.921.684.920	8%	182.680.000	3%	635.726.000	
4	Công ty CP Đầu Tư Phong Phú Sơn Trà	5.075.000.000	21%	2.500.000.000	40%	(1.209.375.854)	
5	Công ty CP Dệt may Nha Trang	2.639.646.812	11%	1.539.646.812	25%	544.155.200	
6	Công ty CP Vải thời trang Phong Phước	2.640.000.000	11%			(610.303.439)	
Tổng cộng		24.353.770.095	100%	6.259.028.155	100%	(3.140.604.145)	

ĐVT: VND

4

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2011	2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	277.309.467.479	381.577.687.357	37,60%
Doanh thu thuần	666.028.181.672	913.755.388.700	37,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	65.733.456.752	83.085.528.021	-13,93%
Lợi nhuận khác	(424.566.502)	566.383.552	233,40%
Lợi nhuận trước thuế	65.308.890.250	83.651.911.573	28,09%
Lợi nhuận sau thuế	53.664.206.503	68.325.167.147	27,32%
Tỷ lệ trả cổ tức (trên mệnh giá)	30,00%	30,00%	0,00%

ĐVT: VND

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,40	1,21
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,14	0,86
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	54,43	63,86
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	119,43	176,72
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	6,05	6,57
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,81	12,68
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,49	2,77
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	2,40	2,39
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	8,06	7,48
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	42,46	49,55
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	19,35	17,91
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	9,9	9,09

Phân tích các nhóm chỉ số

✚ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán của PPF trong năm 2012 giảm nhẹ so với cùng kỳ 2011. Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty ở mức 1,21 lần so với 1,40 lần của năm 2011. Bên cạnh đó, chỉ tiêu thanh toán nhanh cũng có mức giảm nhẹ từ 1,14 lần năm 2011 xuống còn 0,86 lần năm 2012. Các chỉ tiêu thanh toán chứng kiến mức giảm nhẹ trong năm qua là do giá trị hàng tồn kho của PPF tăng mạnh ở mức 121,37% từ 38,33 tỷ đồng năm 2011 lên 84,84 tỷ đồng năm 2012. Đồng thời, giá trị nợ ngắn hạn của Công ty tăng 61,45% từ 150,93 tỷ đồng năm 2011 lên 243,68 tỷ đồng năm nay. Tuy giảm nhưng mức thay đổi không lớn, tính thanh khoản của Công ty vẫn được đảm bảo với các chỉ tiêu giữ ở mức hợp lý, ổn định.

✚ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Kết thúc năm tài chính 2012, giá trị tổng nợ tăng 61,45% so với mức tăng 37,6% giá trị tổng tài sản và 9,12% vốn tăng của chủ sở hữu, khiến cả 2 chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty tăng rõ rệt so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản năm nay là 63,86% tăng so với 54,43% năm 2011; hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu có mức tăng mạnh 57,28% từ 119,43% năm 2011 lên 176,72% năm 2012.

✚ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Hiệu quả và năng lực hoạt động của Công ty trong năm qua được đánh giá khá tốt được thể hiện ở nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động. Tổng quan, các chỉ số như vòng quay các khoản phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản đều tăng so với năm 2011; riêng chỉ số doanh thu thuần trên tổng tài sản gần như giữ nguyên như năm 2011 (2,39 lần so với 2,40 lần năm 2011).

✚ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Do khó khăn chung từ nền kinh tế vĩ mô, đa phần các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty chứng kiến mức giảm so với năm trước; tuy nhiên vẫn được giữ ở mức hợp lý so với các doanh nghiệp trong ngành và tình hình chung của các doanh nghiệp khác. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn sở hữu của PPF tăng 7,08% từ 42,46% năm 2011 lên 49,55%. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần giảm nhẹ từ 8,06% năm 2011 xuống còn 7,48% năm 2012. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2012 đạt giá trị 17,91% so với 19,35% năm trước. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần năm 2012 giảm đạt 9,09%, năm 2011 hệ số này có giá trị 14,49%.

5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.000.000 CP
- Cổ phiếu quỹ: 0 CP
- Mệnh giá: 10.000/đồng/CP

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước				
1	Cổ đông nhà nước	1	4.006.519	40.065,19	50,08
2	Cổ đông tổ chức	3	1.190.415	11.904,15	14,88
3	Cổ đông cá nhân	907	2.803.066	28.031	35
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	1001	8.000.000	80.000	100

(Tính đến ngày: 31/12/2012)

Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% VĐL của Công ty)

STT	Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	40.065.190.000	50,08
2	Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú	10.897.000.000	13,62
3	Trần Quang Sáng	4.000.000.000	5
	Tổng cộng	50.962.190.000	69

Trong năm 2012, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ.

III – BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 2. Tình hình tài chính*
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*



1

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2012 tiếp tục là một năm đầy khó khăn của ngành dệt may do ảnh hưởng rất lớn từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu đặc biệt từ khủng hoảng nợ Châu Âu, Mỹ do đó thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, nguồn cung nhiều hơn cầu. Xu hướng toàn cầu hóa khiến cho cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, cạnh tranh không chỉ diễn ra giữa các doanh nghiệp trong nước, mà còn phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp nước ngoài. Việc trợ giá cho hàng hóa sản xuất trong nước của một số quốc gia, cũng như việc bán tháo hàng hóa của các nhà sản xuất trong và ngoài nước để giảm tồn kho thu hồi vốn, đã làm cho giá cả hàng hóa trên thị trường liên tục giảm mạnh. Hàng hóa nhập theo đường tiểu ngạch ngày càng nhiều, chi phí nhân công, giá xăng, giá điện ngày một tăng cao, lãi suất ngân hàng cho vay sản xuất vẫn ở mức cao. Với bối cảnh đó, trong năm 2012 Công ty đã có những thuận lợi và khó khăn sau:

✚ Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên về mọi mặt của Tổng công ty CP Phong Phú và HĐQT công ty. Đặc biệt là thương hiệu của sản phẩm Phong Phú trên thị trường.
- Có được những khách hàng truyền thống và chung thủy, liên kết chặt chẽ với Công ty trong việc nắm bắt xu hướng tiêu thụ sản phẩm của thị trường.
- Có được đội ngũ CBCNV gắn bó, nhiều kinh nghiệm tận tụy với công việc.
- Tình hình tài chính lành mạnh qua các năm của Công ty, nên đã nhận được sự hỗ trợ mạnh về vốn từ các tổ chức tín dụng với mức lãi suất khá tốt.
- Có được sự liên kết chặt chẽ với các Công ty thành viên của Tổng Công ty về thông tin thị trường, mua bán nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm.

✚ Khó khăn

- Mặc dù Công ty đã mở rộng được thị trường tiêu thụ thông qua các Công ty may mặc xuất khẩu, nhưng mục tiêu bán hàng để thu ngoại tệ của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến những thiệt hại khi phải mua ngoại tệ để thanh toán nguyên phụ liệu nhập khẩu.
- Sức tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước đều giảm nên việc cạnh tranh về giá hết sức khốc liệt.
- Tất cả giá nguyên phụ liệu đầu vào của Công ty đều tăng, làm cho giá thành sản xuất của Công ty tăng theo.
- Chưa có nhân lực cho khâu phát triển sản phẩm mới.
- Chưa có được nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định về chất lượng và khó tìm được nguồn nguyên liệu mới để phục vụ công tác phát triển mặt hàng.
- Xu hướng sản xuất đơn hàng ngày càng nhỏ làm chi phí sản xuất tăng cao.
- Máy móc thiết bị chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường ngày càng khắt khe hơn.

2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2011		2012		% Tăng trưởng
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	210.943.902.783	76,07	294.088.455.815	77,07	39,42%
Tài sản dài hạn	66.365.564.696	23,93	87.489.231.542	22,93	31,83%
Tổng tài sản	277.309.467.479	100	381.577.687.357	100	37,60%

Tình hình tài sản của Công ty không có nhiều biến động trong năm 2012, tổng giá trị tài sản của PPF tăng trưởng 37,6%, từ mức 277,31 tỷ đồng năm 2011 lên mức 381,58 tỷ đồng. Cơ cấu tài sản của Công ty hầu như không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Kết thúc năm tài chính 2012, giá trị tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 77,07% cơ cấu tổng tài sản, tương đương 294,01 tỷ đồng, tăng 39,42% so với mức 210,94 tỷ đồng năm 2011. Tài sản dài hạn cũng đạt mức tăng trưởng 31,83% trong năm 2012 từ mức 66,37 tỷ đồng năm 2011 lên mức 87,49 tỷ đồng, kết thúc năm 2012 với tỷ trọng 22,93% trong cơ cấu tổng doanh thu.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2011		2012		% Tăng trưởng
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	150.933.941.709	100	243.682.932.941	100	61,45
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ	150.933.941.709	100	243.682.932.941	100	61,45

Hiện Công ty không có khoản nợ dài hạn trong cơ cấu nợ vay, việc này giúp cho PPF không quá phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính, đồng thời hạn chế các rủi ro về lãi suất mang lại. Giá trị nợ ngắn hạn trong năm 2012 có mức tăng 61,45% so với giá trị năm 2011. Kết thúc năm 2012, nợ vay của Công ty có giá trị 243,68 tỷ đồng so với 150,93 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

3

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2012 một cách ổn định, hiệu quả và không có sự thay đổi trong công tác tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2012.

4

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong tương lai gần, Ban giám đốc đã xây dựng kế hoạch phát triển của Công ty tập chung chính ở các mảng sau:

Mảng kinh doanh

- Tuyển dụng và đào tạo chuyên viên kinh doanh trong nước hoặc chuyên viên người nước ngoài để tìm kiếm và phát triển cho thị trường xuất khẩu, cũng như mở rộng thêm cho thị trường nội địa.
- Tiếp tục chủ trương công tác dự báo thị trường nguyên liệu, để kịp thời có giải pháp ổn định giá nguyên liệu đầu vào, tìm đối tác để liên kết hoặc phối hợp sản xuất ổn định chất lượng nguyên liệu đầu vào.
- Xây dựng phòng phát triển sản phẩm theo hướng chuyên nghiệp:
 - + Đáp ứng nhanh, chính xác mẫu mã theo yêu cầu của khách hàng.
 - + Có đội ngũ nghiên cứu và phát triển mẫu mã mới phù hợp từng thời điểm, từng thị trường, tận dụng và phát huy được hết tiềm năng thiết bị, về kỹ thuật của Công ty.
 - + Nghiên cứu đầu tư để tạo ra những sản phẩm có giá trị cao hơn.
 - + Có khả năng trình bày và tiếp thị sản phẩm mới cho Công ty.
- Tìm kiếm và quản lý tốt giá cả nguyên phụ liệu đầu vào.

Mảng quản lý sản xuất

- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, đặc biệt là tiêu hao sợi, hơi, nước, hóa chất thuốc nhuộm, sản xuất dư thừa.
- Đầu tư nâng cấp thiết bị để đáp ứng được nhu cầu sản xuất nhỏ lẻ, nhu cầu đa dạng hóa sản phẩm.
- Tập trung nghiên cứu giải pháp công nghệ, tổ chức quản lý sản xuất quy trình chặt chẽ để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu suất thiết bị. Nghiên cứu, ứng dụng quy trình công nghệ mới vào sản xuất.
- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, đánh giá được toàn diện về đặc tính sản phẩm theo quy chuẩn quốc tế.



Mảng quản lý tài chính

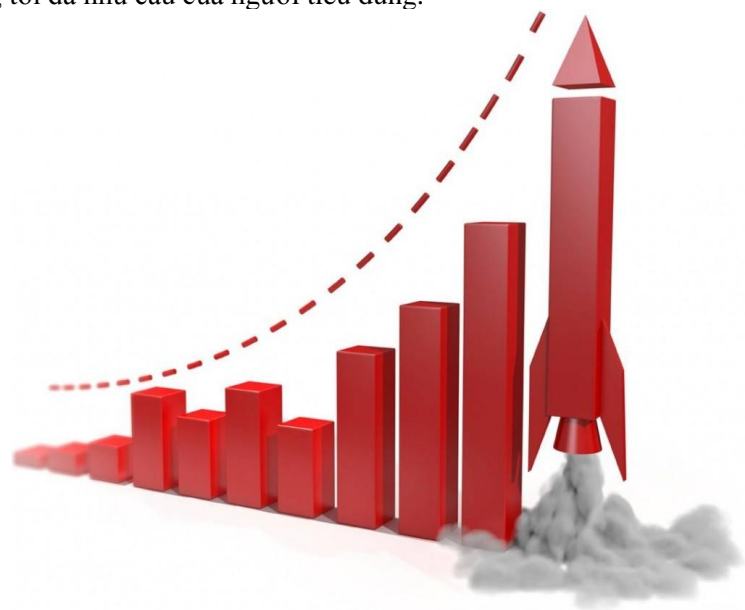
- Tăng cường quản lý tốt vốn lưu động, tối ưu chi phí lãi vay.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa rủi ro.
- Tăng cường công tác tìm kiếm nhà cung cấp có phương thức thanh toán tốt nhất.
- Quản lý tốt công nợ phải thu để tránh khách hàng chiếm dụng vốn.
- Giảm thiểu tối đa số ngày tồn kho đối với thành phẩm cũng như nguyên vật liệu đầu vào.

Mảng nhân lực

- Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn và hài hòa cho người lao động.
- Giáo dục tinh thần đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc.
- Chú trọng công tác giáo dục tinh thần gắn bó, trung thành với Công ty, song song với việc tiền lương thưởng, phát huy sở trường và năng lực của từng nhân viên.

Mảng đầu tư

- Đầu tư mở rộng sản xuất tăng năng lực sản xuất lên 2 đến 3 lần so với hiện tại.
- Đầu tư máy dệt lông vải, máy cán bóng, máy cào lông để nâng cao giá trị sản phẩm.
- Đầu tư máy rewriter để sản xuất mặt hàng Jean dệt kim, đa dạng thêm chủng loại nhằm tăng thêm thị phần tiêu thụ trên thị trường.
- Đầu tư nâng cấp nhà xưởng và thiết bị chuyên dùng.
- Trong dài hạn, công ty sẽ mở rộng đầu tư sợi, may mặc với mục tiêu tạo nên quy trình sản xuất khép kín từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm, đáp ứng tối đa nhu cầu của người tiêu dùng.





IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty*
- 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*



1

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	2011	2012	% tăng trưởng
Doanh thu thuần	666.028.181.672	913.755.388.700	37,19%
Lợi nhuận sau thuế	53.664.206.504	68.325.167.147	27,32%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.708	8.541	27,33%
Tổng tài sản	277.309.467.479	381.577.687.357	37,60%
Vốn chủ sở hữu	126.375.525.770	137.894.754.416	9,12%
Lương cơ bản (đồng/người/tháng)	5.208.333	6.191.667	18,88%

ĐVT: VNĐ

Trải qua năm 2012 với nhiều khó khăn, bất ổn đến từ nền kinh tế vĩ mô, Công ty vẫn có những bước tăng trưởng tốt cùng những kết quả kinh doanh ấn tượng. Doanh thu thuần năm 2012 đạt giá trị 913,76 tỷ đồng, tăng 37,19% so với cùng kỳ năm 2011. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức 68,33 tỷ đồng, tăng 27,32% so với năm trước; lãi cơ bản trên cổ phiếu của PPF có giá trị 8.541 đồng như một lời cam kết luôn đảm bảo lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư của Hội đồng Quản trị cùng Ban lãnh đạo Công ty. Tổng tài sản tăng trưởng 37,60% trong năm 2012, đạt giá trị 381,58 tỷ đồng; trong khi vốn chủ sở hữu tăng 9,12% và đạt mức 137,89 tỷ đồng. Tuy tập trung vào các hoạt động kinh doanh nhưng công tác nhân sự, đảm bảo đời sống cho người lao động luôn được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng. Trong năm 2012, thu nhập và chế độ phúc lợi của người

lao động được cải thiện đáng kể: lương bình quân tăng 450.000 đồng/người/tháng, tiền thưởng cuối năm tăng từ 9,5 triệu đồng/người lên 10,5 triệu đồng/người, tăng phụ cấp ca đêm 8.000 đồng/ công đêm, tăng bồi dưỡng độc hại 6.000 đồng/ công...

Năm 2013, Công ty sẽ tiếp tục đứng trước những thách thức to lớn để phát triển, khi tình hình kinh tế thế giới và tại Việt Nam vẫn tiếp tục nhiều khó khăn: nhiều hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may trong nước trong đó có PPF chịu sự tác động sâu sắc do thị trường suy giảm, giá cả đầu ra tiếp tục giảm, chi phí đầu vào tăng cao, như giá nguyên liệu, vật tư phụ tùng, hóa chất thuốc nhuộm...Mức độ cạnh tranh ở phạm vi toàn cầu ngày càng rõ rệt, áp lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng về chất lượng, mẫu mã phải thay đổi liên tục, phù hợp với xu hướng thời trang, đơn hàng nhỏ lẻ, tiến độ giao hàng, dịch vụ tốt hơn và về giá cả.



**2****ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD**

Năm 2012 là một năm đầy thách thức đối với toàn ngành dệt may nói chung cũng như Công ty cổ phần Dệt vải Phong Phú nói riêng. Lợi nhuận sau thuế tăng 27,32% so với năm 2011 là một kết quả đáng khích lệ. Đó là kết quả của tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cũng như sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, trong đó vai trò của Ban Tổng Giám đốc là vô cùng to lớn trong công tác quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng giám đốc đã linh hoạt trong việc triển khai thực hiện công tác quản lý, đồng thời đảm bảo chỉ tiêu, hoàn thành kế hoạch của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trong năm, Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, luôn kịp thời nắm bắt tình hình thực tế để kịp thời hoạch định, xây dựng chiến lược phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra, trong năm 2012, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành công tác tổng kết năm tài chính 2011 và tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

3**CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT**

Công ty quyết tâm vượt qua những khó khăn để ổn định và phát triển, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, đầu tư chiều sâu về mọi mặt và đầu tư mở rộng có trọng điểm. Với quyết tâm tìm ra mọi biện pháp để tháo gỡ các khó khăn, Hội đồng quản trị công ty thống nhất đề ra kế hoạch cho năm 2013 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013
1	Doanh thu	Tỷ đồng	913	860
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	83,6	70
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68,3	52,5
4	Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	85	65
5	Tỷ lệ chia cổ tức (trên mệnh giá)		30%	20-30%



V – QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1. Hội đồng quản trị*
- 2. Ban kiểm soát*
- 3. Các giao dịch và thù lao HĐQT, BTGD và BKS*



1
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đặng Vũ Hùng	Chủ tịch HĐQT	93.837	1,17
2	Bà Bùi Thị Thu	Thành viên HĐQT	6.000	0,08
3	Bà Phan Kim Hằng	Thành viên HĐQT	3.000	0,04
4	Ông Trần Ngọc Nga	Thành viên HĐQT	-	-
5	Ông Tạ Cẩm Hùng	Thành viên HĐQT	13.800	0,17

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại Công ty chưa thành lập các tiểu ban.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp trong năm 2012 của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đặng Vũ Hùng	Chủ tịch HĐQT	03	100
2	Bà Bùi Thị Thu	Thành viên HĐQT	03	100
3	Bà Phan Kim Hằng	Thành viên HĐQT	03	100
4	Ông Trần Ngọc Nga	Thành viên HĐQT	03	100
5	Ông Tạ Cẩm Hùng	Thành viên HĐQT	03	100

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc

- Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ quản lý Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các thành viên của Hội đồng quản trị CTCP Dệt Vải Phong Phú đã hỗ trợ tích cực Ban điều hành Công ty trong mọi lãnh vực: sản xuất, kinh doanh, nhân sự.... Các cuộc họp HĐQT được tổ chức thường xuyên hàng quý nhằm nắm rõ các hoạt động của Cty, đồng thời đưa ra các giải pháp giúp Công ty hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2012 và các định hướng phát triển bền vững.

Các Nghị quyết/ Quyết nghị trong năm 2012 của Hội đồng Quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết nghị	Ngày	Nội dung
1	01-2012/NQ-HĐQT	22/2/2012	Báo cáo tình hình SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2011. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2012. Đầu tư.
2	02-2012/NQ-HĐQT	25/7/2012	Báo cáo tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2012 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm.
3	03-2012/NQ-HĐQT	27/10/2012	Báo cáo tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2012 và kế hoạch SXKD năm 2013 Đầu tư

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có



Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh	Trưởng BKS	3.000	0,04 %
2	Bà Trần Thị Lan	Thành viên BKS	14.900	0,19 %
3	Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS	15.000	0,13%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt vải Phong Phú đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, tiến hành kiểm soát Công ty ở các mặt:

- Kiểm soát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012
- Kiểm tra Báo cáo tài chính quý, năm để đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời kiểm tra việc tuân thủ các quy định về tình hình tài chính của Công ty
- Giám sát tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động
- Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Hoạt động kiểm tra báo cáo tài chính năm 2012

Nhận xét chung, Ban kiểm soát nhận thấy kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty đã được phản ánh đầy đủ, rõ ràng trong Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn (A&C). Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, bảo đảm cân đối nguồn vốn sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.

- Doanh thu năm 2012 đạt 913,76 tỷ đồng, tăng 37% so với năm trước do nhu cầu thị trường về vải Jean nội địa tăng 2,5 triệu mét.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 83,65 tỷ đồng, tăng 28% so với năm trước chủ yếu do :
 - Sản lượng tiêu thụ tăng.
 - Cơ cấu mặt hàng tiêu thụ chuyển dịch dần sang mặt hàng có chất lượng cao và giá trị cao.
- Trong năm 2012, Công ty đã trích dự phòng đầy đủ theo luật định.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty

Hội đồng Quản trị

- Hội đồng quản trị của Công ty CP Dệt Vải Phong Phú đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ quản lý Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Bên cạnh đó các thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Dệt Vải Phong Phú thường xuyên theo sát hoạt động của Công ty trong mọi lĩnh vực (sản xuất, kinh doanh, nhân sự ...) để đưa ra các chỉ đạo, giải pháp kịp thời giúp Công ty hoàn thành tốt và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, và đề ra các định hướng, giải pháp cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Ban điều hành

- Ban điều hành Công ty CP Dệt Vải Phong Phú đã tuân thủ đúng và đầy đủ trách nhiệm và thẩm quyền theo quy định của Điều Lệ Công ty, đã tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt các Nghị quyết, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong năm 2012.
- Mặc dù thị trường Dệt May vẫn còn rất nhiều khó khăn, tuy nhiên Ban điều hành Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, có những giải pháp kịp thời, khả thi trong công tác điều hành đưa Công ty đạt được hiệu quả SXKD cao, hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2012 được giao. Bên cạnh đó, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước cũng như thực hiện tốt các chế độ, chính sách, chăm lo đời sống cho toàn thể CBCNV Công ty.

3

CÁC GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO HĐQT, BTGD VÀ BKS

- Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 VND/người/tháng
- Thành viên HĐQT: 8.000.000 VND/người/tháng
- Trưởng BKS: 8.000.000 VND/người/tháng
- Thành viên BKS: 4.000.000 VND/người/tháng



VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

1. *Ý kiến kiểm toán viên*
2. *Báo cáo tài chính kiểm toán 2012*





Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0163/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2013, từ trang 06 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2013

VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.088.455.815	210.943.902.783
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.861.715.185	25.856.403.785
1. Tiền	111		22.861.715.185	25.856.403.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.000.000.000	29.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	25.000.000.000	29.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.752.499.520	117.238.413.149
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	169.824.279.722	115.304.103.243
2. Trả trước cho người bán	132		66.905.664	1.774.454.419
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	684.858.158	3.676.440.086
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(9.823.544.024)	(3.516.584.599)
IV. Hàng tồn kho	140		84.843.387.839	38.326.268.868
1. Hàng tồn kho	141	V.6	87.043.993.279	42.271.516.721
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(2.200.605.440)	(3.945.247.853)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		630.853.271	522.816.981
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	630.853.271	522.816.981

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.489.231.542	66.365.564.696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		72.320.151.056	50.832.015.488
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	68.952.106.240	35.103.377.144
<i>Nguyên giá</i>	222		130.075.314.465	93.660.587.562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(61.123.208.225)	(58.557.210.418)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	3.368.044.816	15.728.638.344
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.538.122.785	13.799.579.975
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	10.040.737.020	12.240.737.020
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	2.036.701.343	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	12.276.331.732	8.054.004.920
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(10.815.647.310)	(6.495.161.965)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.630.957.701	1.733.969.233
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	797.837.701	1.090.329.233
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	833.120.000	643.640.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		381.577.687.357	277.309.467.479

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		243.682.932.941	150.933.941.709
I. Nợ ngắn hạn	310		243.682.932.941	150.933.941.709
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	78.751.398.031	32.732.253.311
2. Phải trả người bán	312	V.18	106.463.177.686	82.146.824.263
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	649.916.528	1.944.717.043
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	28.095.579.671	13.188.488.593
5. Phải trả người lao động	315	V.21	15.345.361.578	11.198.736.078
6. Chi phí phải trả	316		-	411.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	4.263.976.934	549.694.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	10.113.522.513	8.762.228.421
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.894.754.416	126.375.525.770
I. Vốn chủ sở hữu	410		137.894.754.416	126.375.525.770
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	-	129.351.665
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	21.348.700.585	421.961.578
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	36.546.053.831	45.824.212.528
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		381.577.687.357	277.309.467.479

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		12.465,24	59.561,52
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Trần Thị Lan
Người lập biểu**Chiêm Yến Nhi**
Kế toán trưởng**Tạ Cẩm Hùng**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	914.794.887.209	666.369.394.326
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	1.039.498.509	341.212.654
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	913.755.388.700	666.028.181.672
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	780.798.781.992	569.499.693.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		132.956.606.708	96.528.488.464
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	5.188.755.873	5.149.875.483
7. Chi phí tài chính	22	VL4	8.287.591.431	11.064.885.621
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.631.597.928	6.781.073.969
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	4.208.324.907	2.133.009.665
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	42.563.918.222	22.747.011.909
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		83.085.528.021	65.733.456.752
11. Thu nhập khác	31	VL7	2.947.014.526	4.059.856.451
12. Chi phí khác	32	VL8	2.380.630.974	4.484.422.953
13. Lợi nhuận khác	40		566.383.552	(424.566.502)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.651.911.573	65.308.890.250
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	15.326.744.426	11.644.683.746
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>68.325.167.147</u>	<u>53.664.206.503</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	<u>8.541</u>	<u>6.708</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2013



Trần Thị Lan
Người lập biểu



Chiêm Yến Nhi
Kế toán trưởng



Trần Cẩm Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.651.911.573	65.308.890.250
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	9.467.805.850	5.851.051.628
- Các khoản dự phòng	03	V.5; V.7; V.14	8.882.802.357	3.425.217.737
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	306.702.824
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8	(5.012.175.567)	(4.717.019.547)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.631.597.928	6.781.073.969
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		100.621.942.141	76.955.916.861
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45.418.102.041)	(12.475.408.818)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.772.476.558)	40.703.997.779
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		30.047.469.364	2.599.557.834
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		292.491.532	262.376.261
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(3.631.597.928)	(9.240.740.636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(3.197.812.259)	(4.698.596.745)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.23	93.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.23	(7.418.292.743)	(1.420.531.274)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.616.621.508	92.686.571.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.10; VII	(33.193.963.027)	(10.194.338.191)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2.817.760.908	3.115.691.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2; VII	(10.000.000.000)	(29.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2; VII	4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12; V.13; VII	(2.222.326.812)	(5.900.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.11	2.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4; VI.3	5.549.577.844	4.016.051.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.848.951.087)	(37.962.594.666)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	228.937.420.209	233.458.831.264
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(182.918.275.489)	(259.928.891.262)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(44.780.480.000)	(14.537.549.550)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>1.238.664.720</u>	<u>(41.007.609.548)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.993.664.859)	13.716.367.048
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	25.856.403.785	12.141.060.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.023.741)	(1.023.741)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>22.861.715.185</u>	<u>25.856.403.785</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2013


Trần Thị Lan
Người lập biểu


Chiêm Yến Nhi
Kế toán trưởng



Trần Cẩm Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán khăn, vải, sợi, chỉ khâu, chỉ thêu – may quần áo, bao bì, nguyên phụ liệu ngành dệt may.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 365 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 343 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Công ty đều gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu do số lượng hàng bán gia tăng.

Trong năm, Công ty đã đầu tư mua sắm thêm máy móc thiết bị để mở rộng sản xuất với tổng giá trị đầu tư lên đến 40.174.321.417 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ**

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 16
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	14

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản thuê hoạt động***Công ty là bên đi thuê***

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn***Vật tư, phụ tùng***

Vật tư, phụ tùng đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí nâng cấp sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 02 năm.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm Vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ**

Địa chỉ: số 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.828 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ**

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	494.633.037	102.770.259
Tiền gửi ngân hàng	22.367.082.148	25.753.633.526
Cộng	<u>22.861.715.185</u>	<u>25.856.403.785</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Tổng Công ty cổ phần Phong Phú vay với lãi suất 12,5% - 16,5%/năm	20.000.000.000	25.000.000.000
Cho Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà vay với lãi suất 14%/năm	-	4.000.000.000
Cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú vay với lãi suất 9,5%/ năm	5.000.000.000	-
Cộng	<u>25.000.000.000</u>	<u>29.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	167.097.417.977	112.577.241.498
Các khách hàng nước ngoài	2.726.861.745	2.726.861.745
Cộng	<u>169.824.279.722</u>	<u>115.304.103.243</u>

Khoản phải thu khách hàng có giá trị 52.070.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chờ khấu trừ	-	325.303.624
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà - tiền cho mượn	-	600.000.000
Lãi dự thu	179.729.166	1.692.161.111
Cổ tức	454.672.800	-
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú - tiền thanh lý dự án 8.3	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu khác	50.456.192	58.975.351
Cộng	<u>684.858.158</u>	<u>3.676.440.086</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	8.392.068.909	3.516.584.599
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	6.183.120.303	1.307.635.993
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	2.208.948.606	2.208.948.606
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 01 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	1.431.475.115	-
Cộng	<u>9.823.544.024</u>	<u>3.516.584.599</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.516.584.599
Trích lập dự phòng bổ sung	6.306.959.425
Số cuối năm	<u>9.823.544.024</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.774.550.064	12.929.864.573
Công cụ, dụng cụ	3.371.500	9.189.636
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.780.333.867	7.464.945.475
Thành phẩm	48.055.184.715	20.204.194.448
Hàng hóa	2.430.553.133	1.663.322.589
Cộng	<u>87.043.993.279</u>	<u>42.271.516.721</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	3.945.247.853
Trích lập dự phòng	(1.744.642.413)
Số cuối năm	<u>2.200.605.440</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	573.702.810	500.000.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000	2.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	55.150.461	20.816.981
Cộng	<u>630.853.271</u>	<u>522.816.981</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.696.060.524	78.013.901.414	2.765.980.624	184.645.000	93.660.587.562
Tăng trong năm	-	45.251.736.625	1.786.121.273	53.400.000	47.091.257.898
Mua sắm mới	-	11.464.049.598	1.786.121.273	53.400.000	13.303.570.871
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	33.787.687.027	-	-	33.787.687.027
Góp vốn vào Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú	-	(1.536.701.343)	-	-	(1.536.701.343)
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.139.829.652)	-	-	(9.139.829.652)
Số cuối năm	<u>12.696.060.524</u>	<u>112.589.107.044</u>	<u>4.552.101.897</u>	<u>238.045.000</u>	<u>130.075.314.465</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.631.299.126	50.013.132.178	846.101.750	66.677.364	58.557.210.418
Khấu hao trong năm	855.996.096	8.117.361.635	429.647.191	64.800.928	9.467.805.850
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.901.808.043)	-	-	(6.901.808.043)
Số cuối năm	<u>8.487.295.222</u>	<u>51.228.685.770</u>	<u>1.275.748.941</u>	<u>131.478.292</u>	<u>61.123.208.225</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.062.668.394	28.035.589.513	1.887.151.601	117.967.636	35.103.377.144
Số cuối năm	<u>4.208.765.302</u>	<u>61.360.421.274</u>	<u>3.276.352.956</u>	<u>106.566.708</u>	<u>68.952.106.240</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 53.023.472.665 VND và 11.317.442.591 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	15.728.638.344
Chi phí phát sinh trong năm	21.427.093.499
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(33.787.687.027)
Số cuối năm	<u>3.368.044.816</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phong Phú may thời trang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602270009 ngày 05 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Phong Phú may thời trang là 12.600.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.040.737.020 VND tương đương 79,30% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.240.737.020 VND, tương đương 82,37% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Phong Phú may thời trang là 2.559.262.980 VND.

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311520259 ngày 06 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú 6.000.000.000 VND, tương đương 32,79% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 2.036.701.343 VND, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú là 3.963.298.657 VND.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		12.276.331.732		8.054.004.920
- Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	171.719	1.921.684.920	146.144	1.739.004.920
- Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	500.000	5.075.000.000	250.000	2.575.000.000
- Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước	220.000	2.640.000.000	220.000	2.640.000.000
- Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	240.108	2.639.646.812	100.000	1.100.000.000
Cộng		12.276.331.732		8.054.004.920

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Phong Phú: tăng do được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 7.307 cổ phiếu và mua thêm 18.268 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 182.680.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà: tăng do mua thêm 250.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 2.500.000.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần dệt may Nha Trang: tăng do mua thêm 140.108 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 1.539.646.812 VND.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của công ty con	7.813.287.832	5.312.481.780
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.002.359.478	1.182.680.185
Cộng	10.815.647.310	6.495.161.965

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	6.495.161.965
Trích lập dự phòng bổ sung	4.320.485.345
Số cuối năm	10.815.647.310

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Vật tư, phụ tùng	492.609.066	-	(326.073.136)	166.535.930
Chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng	597.720.167	592.175.320	(558.593.716)	631.301.771
Cộng	1.090.329.233	592.175.320	(884.666.852)	797.837.701

16. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.751.398.031	23.760.111.949
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	10.021.178.200	20.918.426.170
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 2 ^(b)	-	2.841.685.779
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	32.975.179.453	-
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	20.755.040.378	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	15.000.000.000	8.972.141.362
- Chi nhánh Công ty tài chính dệt may ^(d)	15.000.000.000	8.972.141.362
Cộng	78.751.398.031	32.732.253.311

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Tổng Công ty cổ phần Phong Phú.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản nợ phải thu.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản nợ phải thu.

(d) Khoản vay Chi nhánh Công ty tài chính dệt may theo lãi suất quy định trong từng khế ước vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	23.760.111.949	192.909.561.571	(152.918.275.489)	63.751.398.031
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	8.972.141.362	36.027.858.638	(30.000.000.000)	15.000.000.000
Cộng	32.732.253.311	228.937.420.209	(182.918.275.489)	78.751.398.031

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	100.632.454.483	70.049.496.139
Các nhà cung cấp nước ngoài	5.830.723.203	12.097.328.124
Cộng	106.463.177.686	82.146.824.263

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	413.102.168	1.927.890.935
Các khách hàng nước ngoài	236.814.360	16.826.108
Cộng	649.916.528	1.944.717.043

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Hoàn thuế</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.957.184.614	8.081.826.938	(8.703.950.229)	-	1.335.061.323
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	325.303.625	4.660.496.962	(4.985.800.587)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	123.385.370	102.646.421	(177.212.602)	(48.385.189)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.237.561.861	15.326.744.426	(3.197.812.259)	-	22.366.494.028
Thuế thu nhập cá nhân	545.053.123	5.667.024.144	(1.818.052.947)	-	4.394.024.320
Tiền thuế đất	-	687.415.200	(687.415.200)	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	13.188.488.593	34.529.154.091	(19.573.243.824)	(48.385.189)	28.095.579.671

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm và hàng hoá xuất khẩu 0%
- Thành phẩm và hàng hoá nội địa 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2012 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, gia công, dệt may do có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân trong năm 2012 trên 300 người theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về việc ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.651.911.573	65.308.890.250
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.626.878.832	4.562.576.516
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.179.881.200)	(3.299.754.667)
Thu nhập chịu thuế	85.098.909.205	66.571.712.099
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	21.274.727.301	16.642.928.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	(6.225.188.072)	(4.992.878.407)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm tương ứng phần chi cho lao động nữ	(2.234.798)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>279.439.990</i>	<i>(5.365.872)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	15.326.744.426	11.644.683.746

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương, các khoản phụ cấp kỳ 2 của tháng 12, thưởng năm 2012 chưa chi và quỹ lương dự phòng.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	83.736.000	-
Cổ tức phải trả	3.268.800.000	49.280.000
Tiền mượn Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải trả khác	411.440.931	414.000
Cộng	4.263.976.931	549.694.000

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	8.762.228.421
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.702.086.744
Tăng khác	93.000.000
Chi quỹ	(7.418.292.743)
Giảm khác	(25.499.909)
Số cuối năm	10.113.522.513

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	219.100.377	-	6.704.727.387	86.923.827.764
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	53.664.206.503	53.664.206.503
Tạm trích các quỹ trong năm	-	-	421.961.578	(10.544.721.362)	(10.122.759.784)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(89.748.712)	-	-	(89.748.712)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	129.351.665	421.961.578	45.824.212.528	126.375.525.771
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	129.351.665	421.961.578	45.824.212.528	126.375.525.771
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	68.325.167.147	68.325.167.147
Tạm trích các quỹ trong năm	-	-	20.926.739.007	(29.628.825.751)	(8.702.086.744)
Chia cổ tức	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(129.351.665)	-	-	(129.351.665)
Tăng khác	-	-	-	25.499.907	25.499.907
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	-	21.348.700.585	36.546.053.831	137.894.754.416

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	24.049.280.000
Tạm ứng cổ tức	20.731.200.000
Cộng	44.780.480.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	914.794.887.209	666.369.394.326
- Doanh thu bán thành phẩm	704.409.803.253	561.966.328.952
- Doanh thu bán hàng hóa	205.620.803.253	101.803.172.530
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.764.730.461	2.599.892.844
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.039.498.509)	(341.212.654)
- Hàng bán bị trả lại	(531.672.807)	(132.305.706)
- Giảm giá hàng bán	(507.825.702)	(208.906.948)
Doanh thu thuần	913.755.388.700	666.028.181.672
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	703.965.274.487	561.625.116.298
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	205.025.383.752	101.803.172.530
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	4.764.730.461	2.599.892.844

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽¹⁾	584.337.287.602	472.567.028.659
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	194.277.271.842	98.130.603.760
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.928.864.961	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.744.642.413)	(1.197.939.211)
Cộng	780.798.781.992	569.499.693.208

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	514.472.224.964	374.426.235.642
Chi nhân công trực tiếp	24.681.635.083	13.613.235.806
Chi phí sản xuất chung	77.724.569.986	60.167.684.290
Tổng chi phí sản xuất	616.878.430.033	448.207.155.738
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(5.315.388.390)	11.114.391.928
Nhập, xuất khác	224.507.953	(6.614.443.680)
Tổng giá thành sản xuất	611.787.549.596	452.707.103.986
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(27.850.990.267)	15.032.024.506
Xuất khác	(530.300.801)	(5.801.898.599)
Hàng gửi bán	931.029.076	10.629.798.766
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	584.337.287.604	472.567.028.659

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	652.500.000	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	218.875.865	277.156.470
Lãi tiền cho vay	2.659.437.499	2.312.861.111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.179.881.200	840.088.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	478.061.309	1.719.769.902
Cộng	5.188.755.873	5.149.875.483

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.631.597.928	6.781.073.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	335.508.158	777.523.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	306.702.824
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	4.320.485.345	3.199.585.494
Cộng	8.287.591.431	11.064.885.621

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	691.304.200	522.902.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.375.970.846	1.577.253.831
Chi phí khác	2.141.049.861	32.853.642
Cộng	4.208.324.907	2.133.009.665

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	26.888.151.720	15.511.603.870
Chi phí đồ dùng văn phòng	363.378.535	354.679.642
Chi phí khấu hao TSCĐ	401.376.959	320.041.266
Chi phí dự phòng	7.497.138.246	2.165.285.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.070.326.278	2.433.050.999
Chi phí khác	4.343.546.484	1.962.350.779
Cộng	42.563.918.222	22.747.011.909

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.817.760.908	3.115.691.636
Thu nhập khác	129.253.618	944.164.815
Cộng	<u>2.947.014.526</u>	<u>4.059.856.451</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	2.297.404.040	1.551.621.200
Xử lý công nợ	-	2.555.263.889
Chi phí khác	83.226.934	377.537.864
Cộng	<u>2.380.630.974</u>	<u>4.484.422.953</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68.325.167.147	53.664.206.503
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	68.325.167.147	53.664.206.503
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.541</u>	<u>6.708</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.231.929.435	383.667.353.154
Chi phí nhân công	53.337.658.231	29.574.221.523
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.467.805.850	5.187.986.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.439.728.711	49.162.150.037
Chi phí khác	7.148.187.365	5.495.466.106
Cộng	<u>603.625.309.592</u>	<u>473.087.177.312</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận khoản vay bằng cách cần trừ lãi vay phải trả	-	2.459.666.667
Góp vốn Công ty liên doanh, liên kết bằng tài sản cố định	1.536.701.343	-
Thu hồi nợ cho vay bằng cần trừ công nợ	10.000.000.000	-
Góp vốn bằng cần trừ công nợ phải thu	2.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.521.787.342	930.438.903
Tiền thưởng	772.000.000	460.300.000
Cộng	<u>2.293.787.342</u>	<u>1.390.738.903</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	Công ty mẹ
Công ty TNHH Phong Phú may thời trang	Công ty con
Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú	Cổ đông chiến lược
Công ty TNHH Sơn Tùng	Cổ đông chiến lược
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dệt Đồng Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thừa Thiên Huế	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	1.877.569.444	110.135.695
Tiền lãi cho vay ngắn hạn	-	223.250.000
Cổ tức tạm chia trong năm	-	4.000.000.000
Lãi thu từ dự án 8/3	-	547.800.000
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	17.050.696.174	-
Cho vay ngắn hạn	-	25.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua vào khác	1.257.291.630	2.795.288.961
Công ty TNHH Phong Phú may thời trang		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	-	455.652.299
Mua nguyên liệu	1.477.318.912	-
Thu hồi vốn góp	2.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	22.895.023	7.374.173.608
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	111.028.469.998	35.855.155.974
Chi phí dịch vụ mua vào khác	176.526.846	471.320.460
Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	5.115.000.920	11.310.730.569
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	9.110.162.000	8.007.600
Chi phí dịch vụ mua vào khác	28.691.862.090	20.380.458.535
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	3.620.965.804	1.808.093.248
Chi phí dịch vụ nhập khẩu	-	15.650.000
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	118.081.691.657	9.532.451.170
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	75.729.455.494	1.189.319.240
Chi phí thuê máy dệt và gia công vải	1.992.954.022	5.384.269.575
Cho mượn tiền	-	600.000.000
Công ty cổ phần dệt Đông Nam		
Bán nguyên liệu	1.725.635.158	140.878.725
Mua nguyên liệu	14.714.968.165	3.839.881.004
Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước		
Bán thành phẩm	1.675.579.813	8.585.603.950
Mua thành phẩm	9.717.961.525	-
Mua dịch vụ khác	1.856.304.091	-
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	91.101.437.799	136.256.039.810
Mua nguyên liệu	-	789.762.851
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang		
Bán nguyên vật liệu và thành phẩm	13.683.929.000	13.672.092.500
Mua nguyên vật liệu	16.763.676.180	-
Công ty cổ phần thời trang quốc tế Phong Phú		
Góp vốn	2.036.701.343	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Phải thu tiền góp vốn thực hiện dự án lợi thế khai thác và chi phí đền bù trên đất của Công ty TNHH nhà nước một thành viên 8/3.	-	1.000.000.000
Mua cổ phiếu	-	1.739.004.920
Lãi dự thu cho vay	183.819.444	921.111.111
Phải thu cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	25.000.000.000
Lãi dự thu từ dự án 8/3	-	547.800.000
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	-	886.051.318
Phải thu cổ tức	70.500.000	-
Công ty cổ phần dệt gia dụng		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	-	8.995.879.453
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	1.837.680	471.514.657
Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước		
Phải thu tiền bán nguyên liệu	-	9.444.164.345
Mua cổ phiếu	-	2.640.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà		
Phải thu tiền bán nguyên liệu	32.598.621.497	5.220.759.293
Mua cổ phiếu	-	2.575.000.000
Cho mượn tiền	-	600.000.000
Công ty TNHH Phong Phú may thời trang		
Góp vốn	-	12.240.737.020
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	15.404.739.108	1.985.616.975
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		
Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang		
Phải thu tiền cổ tức	384.172.800	-
Công ty cổ phần dệt Đông Nam		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	1.895.147.100	-
Cộng nợ phải thu	<u>75.538.837.629</u>	<u>74.267.639.092</u>
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	2.808.166.372	-
Phải trả tiền mượn	500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Phải thu tiền góp vốn thực hiện dự án lợi thế khai thác và chi phí đền bù trên đất của Công ty TNHH nhà nước một thành viên 8/3.	-	1.000.000.000
Mua cổ phiếu	-	1.739.004.920
Lãi dự thu cho vay	183.819.444	921.111.111
Phải thu cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	25.000.000.000
Lãi dự thu từ dự án 8/3	-	547.800.000
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	-	886.051.318
Phải thu cổ tức	70.500.000	-
Công ty cổ phần dệt gia dụng		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	-	8.995.879.453
Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	1.837.680	471.514.657
Công ty cổ phần vải thời trang Phong Phước		
Phải thu tiền bán nguyên liệu	-	9.444.164.345
Mua cổ phiếu	-	2.640.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà		
Phải thu tiền bán nguyên liệu	32.598.621.497	5.220.759.293
Mua cổ phiếu	-	2.575.000.000
Cho mượn tiền	-	600.000.000
Công ty TNHH Phong Phú may thời trang		
Góp vốn	-	12.240.737.020
Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	15.404.739.108	1.985.616.975
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú		
Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-
Công ty cổ phần dệt may Nha Trang		
Phải thu tiền cổ tức	384.172.800	-
Công ty cổ phần dệt Đông Nam		
Phải thu tiền bán thành phẩm, nguyên vật liệu	1.895.147.100	-
Cộng nợ phải thu	75.538.837.629	74.267.639.092
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	2.808.166.372	-
Phải trả tiền mượn	500.000.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	202.331.532	5.212.976.850
<i>Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu và các chi phí dịch vụ	3.956.273.448	5.549.140.460
<i>Công ty TNHH Phong Phú may thời trang</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	208.370.597	-
<i>Công ty cổ phần dệt vải thời trang Phong Phước</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	10.510.576.332	-
Cộng nợ phải trả	<u>18.185.718.281</u>	<u>11.262.117.310</u>

Ngoài ra Tổng Công ty cổ phần Phong Phú còn bảo lãnh đảm bảo các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ: Sản xuất, chi thêu – may quần áo, bao bì, nguyên phụ liệu ngành dệt may, cung cấp dịch vụ xử lý nước thải.
- Lĩnh vực thương mại: mua bán khăn, vải, sợi, chỉ khâu.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	708.730.004.948	205.025.383.752	-	913.755.388.700
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>708.730.004.948</u>	<u>205.025.383.752</u>	<u>-</u>	<u>913.755.388.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	133.471.232.440	6.285.374.268	-	132.956.606.708
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(46.772.243.129)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				83.085.528.021
Doanh thu hoạt động tài chính				5.188.755.873
Chi phí tài chính				(8.287.591.431)
Thu nhập khác				2.947.014.526
Chi phí khác				(2.380.630.974)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(15.326.744.426)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				68.325.167.147
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	33.253.345.458	-	-	33.253.345.458
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	10.352.472.702	-	-	10.352.472.702
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-
	Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	564.225.009.142	101.803.172.530	-	666.028.181.672
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	574.829.677.822	91.198.503.850	-	666.028.181.672
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	103.698.854.200	(7.170.365.736)	-	96.528.488.464
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(24.880.021.574)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				71.648.466.890
Doanh thu hoạt động tài chính				5.149.875.483
Chi phí tài chính				(11.064.885.621)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Thu nhập khác				4.059.856.451
Chi phí khác				(4.484.422.953)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.644.683.746)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<u>53.664.206.503</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>14.946.199.573</u>	-	-	<u>14.946.199.573</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>6.196.696.307</u>	-	-	<u>6.196.696.307</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	339.974.609.473	2.430.553.133	-	342.405.162.606
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				39.172.524.751
<i>Tổng tài sản</i>				<u>381.577.687.357</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>189.954.302.531</u>	<u>10.019.976.332</u>	-	199.974.278.863
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				43.708.654.078
<i>Tổng nợ phải trả</i>				<u>243.682.932.941</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	231.061.740.351	4.755.854.965	-	235.817.595.316
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				41.491.872.163
<i>Tổng tài sản</i>				<u>277.309.467.479</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>124.704.102.795</u>	<u>3.368.121.900</u>	-	128.072.224.695
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				22.861.717.013
<i>Tổng nợ phải trả</i>				<u>150.933.941.708</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các Công ty cùng Tập đoàn vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối năm	Chưa quá hạn	Chưa quá	Đã quá hạn	Đã quá hạn	Cộng
	hay chưa bị giảm giá	hạn nhưng bị giảm giá	nhưng không giảm giá	và/hoặc bị giảm giá	
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.861.715.185	-	-	-	22.861.715.185
Phải thu khách hàng	142.770.560.148	-	-	27.053.719.574	169.824.279.722
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.519.978.158	-	-	-	1.519.978.158
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.561.331.732	-	-	7.715.000.000	12.276.331.732
Cộng	187.814.092.400	-	-	43.668.212.397	231.482.304.797

TRẮC KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.856.403.785	-	-	-	25.856.403.785
Phải thu khách hàng	111.663.409.522	-	-	3.640.693.721	115.304.103.243
Các khoản cho vay	29.000.000.000	-	-	-	29.000.000.000
Các khoản phải thu khác	4.322.080.086	-	-	-	4.322.080.086
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.871.324.735	-	-	1.182.680.185	8.054.004.920
Cộng	177.713.218.128	-	-	4.823.373.906	182.536.592.034

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	78.751.398.031	-	-	78.751.398.031
Phải trả người bán	106.463.177.686	-	-	106.463.177.686
Các khoản phải trả khác	4.180.240.931	-	-	4.180.240.931
Cộng	189.394.816.648	-	-	189.394.816.648
Số đầu năm				
Vay và nợ	32.732.253.311	-	-	32.732.253.311
Phải trả người bán	82.146.824.263	-	-	82.146.824.263
Các khoản phải trả khác	12.159.430.078	-	-	12.159.430.078
Cộng	127.038.507.652	-	-	127.038.507.652

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4498
CÔNG
NHIỆM
DÂN V
&
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.465,24	59.561,52
Phải thu khách hàng	173.586,76	184.148,90
Phải trả người bán	(278.584,65)	(580.820,44)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(92.532,65)	(337.110,02)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC - Việt Nam và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam (xem thuyết minh số V.17). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 52.070.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 52.070.000.000 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT VẢI PHONG PHÚ

Địa chỉ: số 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.861.715.185	-	25.856.403.785	-	22.861.715.185	25.856.403.785
Phải thu khách hàng	169.824.279.722	(9.823.544.024)	115.304.103.243	(3.516.584.599)	160.000.735.698	111.787.518.644
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	29.000.000.000	-	25.000.000.000	29.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.519.978.158	-	4.322.080.086	-	686.858.158	4.842.897.067
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.276.331.732	(3.002.359.478)	8.054.004.920	(6.495.161.965)	9.273.972.254	6.871.324.735
Cộng	231.482.304.797	(12.825.903.502)	182.536.592.034	(10.011.746.564)	217.823.281.295	178.358.144.231

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	78.751.398.031	32.732.253.311	78.751.398.031
Phải trả người bán	106.463.177.686	82.146.824.263	106.463.177.686	82.146.824.263
Các khoản phải trả khác	4.180.240.931	12.159.430.078	4.180.240.931	960.694.000
Cộng	189.394.816.648	127.038.507.652	189.394.816.648	115.839.771.574


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn trong tương lai giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2013


Trần Thị Lan
Người lập biểu


Chiêm Yến Nhi
Kế toán trưởng


Tạ Cẩm Hùng
Tổng Giám đốc



Xác nhận của người đại diện theo pháp luật của công ty